



# DẠY CHÍNH TẢ TIẾNG KHMER

ĐÀO NAM SƠN

Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc

## 1. Quan niệm và thao tác chung

Dạy chính tả, về cơ bản, là nhằm hình thành kĩ năng viết, nhưng trước và trong khi viết chính tả, đặc biệt là chính tả nghe - viết, học sinh còn được nghe giáo viên giảng giải, đọc, được bạn bè trao đổi và được chia sẻ những hiểu biết và mong đợi của mình với giáo viên và bạn bè. Như vậy, trong giờ chính tả, học sinh còn rèn kĩ năng nghe và kĩ năng nói.

Khi dạy học sinh viết chính tả, muốn học sinh viết đúng, giáo viên cần giải thích nghĩa của từ cần viết, giới thiệu nội dung bài viết; với khá nhiều từ của tiếng Khmer, giáo viên còn phải hướng dẫn học sinh viết từ ấy như thế nào. Rất nhiều từ, học sinh ghi đúng âm giáo viên đọc ra, nhưng vẫn sai chính tả bởi tiếng Khmer có nhiều từ đồng âm, mỗi nghĩa lại có một quy định chính tả riêng. Học sinh không thể viết đúng nếu hiểu lờ mờ nội dung định viết, và rất khó viết đúng, dẫu rằng chữ viết Khmer cũng là chữ ghi âm. Và thế cũng xem như, trong dạy chính tả, giáo viên đã dạy từ, dạy câu, dạy đọc hiểu và dạy cả cách viết nữa.

Mỗi ngôn ngữ, bên cạnh những quy tắc chính tả chung, còn có một quy tắc chính tả riêng. Các quy tắc này giáo viên phải làm rõ và hình thành dần dần cho học sinh trong suốt quá trình học tập. Trong giờ chính tả tiếng Khmer, học sinh được làm các bài tập chính tả: nhận diện âm vần, nhận diện các kí hiệu ngôn ngữ, trong đó có các dấu âm như dấu răng chuột, dấu vẩy cá và các dấu âm khác. Nhìn một cách tổng quát, tiếng Khmer không có dấu thanh như tiếng Việt nhưng có dấu âm: dấu *bòn-tò*, *rô-bat* (còn gọi là dấu *chân rô*) báo hiệu đọc ngắn; dấu *trây-sấp*, *tho-mênh con-đô* chuyển giọng o thành giọng ô và ngược lại; dấu *con-đạ-khét* báo hiệu âm không được đọc lên; dấu *săng-dok* biến các từ có gốc Pali, gốc Sangscrit để phát âm thành giọng Khmer; dấu *kẹ-lẹ-pân-tụ* báo hiệu đọc theo Pali-Sangscrit; dấu *ạ-sạ-đạ* biến giọng dài thành giọng ngắn dùng với các phụ âm *co, đơ, nô, ho...*

Quy trình tiến hành một giờ chính tả, không tính đến phần giới thiệu bài, thường là:

Giáo viên đọc mẫu;

Giải nghĩa từ khó trong đoạn chính tả sẽ viết;

Hướng dẫn viết từ khó;

Học sinh luyện viết từ khó;

Học sinh thực hành chính tả.

## 2. Đặc điểm chính tả của tiếng Khmer

Tiếng Khmer như đã nói là tiếng ghi âm, nên việc vận dụng kinh nghiệm và phương pháp dạy chính tả trong tiếng Việt là hoàn toàn có thể, nhưng cần xem xét thêm những dấu hiệu đặc thù về ngữ âm và chính tả để có phương pháp dạy học có hiệu quả. Dưới đây là những dấu hiệu đặc thù chính tả trong tiếng Khmer:

a) Sự biến hoá trật tự trong chữ viết. Tiếng Khmer về nguyên tắc chung là viết theo tuyến tính và viết từ trái qua phải. Tuy vậy, có nhiều từ phải viết kiểu cóc nhảy- viết cách quãng, hay tịnh tiến từ trái qua phải theo hình xoắn ốc, hình mỏ neo. Ví dụ: từ *coong-kép* phải viết theo tuần tự *co (1)- e- ngô-co(2)-bo* (trong đó *ngô* thì viết thân chữ còn *co* (thứ 2) chỉ viết chân chữ và viết theo hình thức gửi chân dưới chữ *ngô*).

b) Sự lưu giữ dấu hiệu chính tả nguyên gốc trong các từ vay mượn. Trong tiếng Khmer có nhiều từ vay mượn của ngôn ngữ Pali và Sangscrit. Sự vay mượn này khác hẳn tiếng Việt khi vay mượn từ tiếng Hán. Trong kho từ vựng tiếng Việt có rất nhiều từ Hán-Việt, nhưng tất cả những từ này đều tuân thủ nguyên tắc chính tả tiếng Việt. Người học tiếng Việt có thể không hiểu đầy đủ nghĩa từ Hán-Việt nhưng không mấy khi viết sai chính tả, nếu như người đọc phát âm chuẩn. Tiếng Khmer thì hoàn toàn khác. Người Khmer khi vay mượn để làm giàu ngôn ngữ của mình, đã không Khmer hoá hoàn toàn, mà vẫn lưu giữ khi thì toàn phần, khi thì một phần những dấu vết con chữ. Chính vì thế, việc ghi chép của tiếng Khmer gặp không ít trở ngại. Chữ Khmer cho đến nay còn để lại những dấu vết cổ trong chính tả. Dưới đây là một thống kê nhỏ lấy từ SGK dạy



tiếng Khmer trong chương trình giáo dục song ngữ:

- Từ *mút* (bạn) có hai cách viết: cách viết như hiện nay và cách viết có thêm chân *rô*. Với học sinh tiểu học thì chỉ nên dạy một cách viết và dạy cách viết đơn giản nghiêng hơn về quy tắc ghi âm bớt đi các kí tự không được đọc lên;

- Từ *sa-ma-ki* (đoàn kết), nếu chưa nhìn dạng tự ấy bao giờ, chỉ nghe phát âm thì không viết đúng chính tả. Nó gồm: *so-a-mô-cô-i* (lại có thêm chân *cô* ở phía dưới phụ âm *cô*). Âm *sa*, âm *ki* đọc theo Khmer, âm *ma* đọc theo Pali, chân *cô* không được đọc lên. Đây chính là dấu vết còn sót lại trong quá trình Khmer hoá các từ Pali còn để lại dấu ấn trong chính tả. Rõ ràng như vậy, người đọc và người ghi lại phải nhớ mặt chữ, nếu không thì không thể viết đúng chính tả;

- Từ *pôn-la-căm* (lao động) cũng tương tự như từ *sa-ma-ki* về sự phức tạp ấy. Nó bao gồm *pô-lô-co-mô-chân mô* viết dưới phụ âm *mô*. Phụ âm *pô* ghép với *lô* đọc là *pôl* (đọc theo Khmer). Cũng chính chữ cái *lô* được đọc thêm 1 lần là *la* (đọc theo Pali). Còn chữ cái *co* ghép với chữ cái *mô* vốn phát âm là *com*, nhưng khi có thêm chân *mô* thì quy ước đọc là *căm* (đọc theo Pali);

- Từ *bôn* (lễ), *vot* (chùa): đây là hai từ còn vương lại dấu ấn của từ Pali, giữa chính âm và chính tả không khớp nhau: thêm chân *dô* ở cuối chữ *bôn*, thêm chân *to* ở dưới phụ âm *to* trong chữ *vót*;

- Từ *pôs* (bụng, dạ): viết phụ âm *pô* và dấu nguyên âm *ô*s, nếu bỏ dấu nguyên *ô*s thêm phụ âm *so* và dấu ngắn âm có nghĩa là con rắn (tuy cùng đọc là *pôs*; đây là hiện tượng đồng âm nhưng viết khác và nghĩa khác);

- Từ *sắt* (con vật): đọc theo âm Pali gồm phụ âm *so*, phụ âm *to* có thêm chân *vô* dưới phụ âm *to* (chân *vô* không được đọc lên);

- Từ *so-nât so-nal* (thần mật): *so-nât* viết phụ âm *tô* có thêm chân *thô*, *so-nal* viết phụ âm cuối *lô* như đúng phát âm;

- Từ *sa-ra-văn* (tên điệu múa): viết phụ âm *vô* có dấu răng chuột (để thành *vo*), thêm dấu ngắn âm trên phụ âm *nô*;

- Từ *chất* (lòng): viết thêm chân *to* dưới phụ âm *to*, nếu không có chân *to* cũng đọc là *chất* nhưng có nghĩa là gọt (động từ);

- Từ *mút-tạ-phiệp* (hữu nghị): viết phụ âm *to* có thêm chân *to*, chân *to* có giá trị ngữ âm đọc là *tạ*.

c) Sự không rõ ràng ranh giới giữa từ với từ về mặt chính tả. Theo GS. Đỗ Hữu Châu trong *Đỗ Hữu Châu tuyển tập* (tập 1), xác định ranh giới từ "đó là sự vận động nhận thức của người bản ngữ khi nói hoặc lĩnh hội thông điệp trước một hiện tượng đáng ngờ về tư cách từ hơn là công việc thuần túy nghiên cứu của nhà ngôn ngữ học" (tr. 437). GS. Đỗ Hữu Châu lấy câu nói *Chi ấy có áo dài* (trong tiếng Việt) và cho rằng phức thể *áo dài* đáng ngờ là từ hay cụm từ tự do. Điều mà GS. Đỗ Hữu Châu bàn nghiêng về từ vựng học, nhưng với tiếng Khmer nó vừa là vấn đề từ vựng lại vừa là vấn đề chính tả. Theo định nghĩa này, sự vận động nhận thức khi đọc và khi viết của người Khmer vô cùng gian nan bởi chính quy định truyền thống chính tả của họ. Hệt như ta viết *Chi ấy có áo dài* nhưng bỏ hết khoảng cách giữa các từ rồi bảo người khác đọc đi. Tất nhiên, người có trải nghiệm đọc thì sẽ đọc được. Nhưng người mới học chưa có sự trải nghiệm ấy. Người đọc còn không biết đọc như thế nào là đúng thì làm sao phân định được đâu là từ hay cụm từ tự do.

Khác với hầu hết ngôn ngữ sử dụng kí tự Latin, tiếng Khmer có hiện tượng cả một câu dính liền thành một khối. Trong một bài, một ngôn bản viết chỉ tìm ra ranh giới giữa các câu bằng dấu kẻ.

Quy định chính tả Khmer là viết dính các từ với nhau không phân biệt ranh giới từ này với từ khác. Sự quy định này đã tạo cho người chế bản hôm nay thêm một khó khăn. Thực tế sử dụng máy vi tính cho thấy, máy vi tính không biết xuống hàng thế nào để khỏi cắt một đơn vị từ ra làm hai phần: một phần ở cuối hàng trên, một phần ở đầu hàng dưới. Quy định này còn tạo ra cái khó trong khi đọc (đã phân tích ở trên), đồng cũng tạo ra cái khó trong khi viết. Thời gian đầu mới học chữ, học sinh có thể viết rời từng từ, tức là chưa thật đúng với cách viết truyền thống, giáo viên nên chấp nhận, bởi cách viết này cũng không dẫn đến việc đọc sai, hiểu sai. Học lên lớp trên, đạt một trình độ nhất định, rồi qua xem sách báo, tự nhiên các em lại trở về với cách viết truyền thống.

d) Sự thiếu vắng quy định viết hoa đầu câu và viết hoa danh từ riêng. Tiếng Việt cũng như một số tiếng khác đầu câu và danh từ riêng đều được viết hoa, chưa kể đến viết hoa để nhấn mạnh



trong tu từ. Tiếng Khmer không có quy định này. Đây cũng là một hạn chế của loại chữ cổ. Cuối câu tiếng Khmer có dấu khăn (dấu chấm câu). Đây cũng là một dấu hiệu, cho nên mặc dù dấu câu không viết hoa cũng không gây khó khăn cho người viết chính tả. Rắc rối nhất là danh từ riêng không có dấu hiệu phân biệt. Người đọc khi gặp phải danh từ riêng mà không nhận ra, cứ gắng công tra từ điển và dịch tốn rất nhiều thời gian, lại cho một thông tin sai. Vì danh từ riêng vốn không được sử dụng như nghĩa từ điển. Trong khi biên soạn sách lớp 2, chúng tôi có thiết kế bài Con tôm Vĩnh Kim đưa cho giáo viên thực nghiệm đọc. Anh chị em phải đánh vần mãi chữ Vĩnh Kim sau này mới ỏ lên Vĩnh Kim là danh từ riêng, mặc dù địa danh Vĩnh Kim không xa lạ với họ. Danh từ riêng có nghĩa lại đem đến một sự rắc rối khác. Campuchia có tỉnh Ta-kho-mau, tỉnh Băt-đòm-boong. Hai tên tỉnh này đều có nghĩa từ điển. Ta-kho-mau là ông đen; Băt-đòm-boong là mắt gậy. Nếu người học không xác định được hai từ này là danh từ riêng chỉ tên tỉnh thì khi tiếp nhận thông tin bằng văn bản viết không khỏi có những lúng túng.

e) Sự không phân định rạch ròi nguyên âm và phụ âm. Trong tiếng Khmer, phụ âm giữ vai trò chính yếu. Chỉ phụ âm được coi là chữ cái. Phụ âm lại mang thêm phẩm chất của nguyên âm. Trong khi đó lại có một số dấu nguyên âm (mang tính lệ thuộc) được sử dụng khi phụ âm không đủ khả năng ghi lại các âm thanh ngôn ngữ khi được phát ra. Lúc nào chỉ sử dụng phụ âm, lúc nào sử dụng thêm dấu nguyên âm, lúc nào sử dụng thêm nguyên âm độc lập (vay mượn của ngôn ngữ Sangscrit chỉ dùng trong một số trường hợp nhất định) phụ thuộc vào quy tắc viết từng từ, không có quy tắc chung. Trong tiếng Khmer lại có cách ghi tiết kiệm không theo quy tắc chính tả. Nếu như trong tiếng Việt, muốn ghi âm *ngo*, ta phải viết tới 3 chữ cái, thì trong tiếng Khmer chỉ dùng 1 chữ cái mà lại là phụ âm có âm phát ra tương đương. Cũng như muốn ghi âm *co*, tiếng Việt phải ghi bằng hai con chữ, nhưng tiếng Khmer chỉ cần ghi bằng phụ âm *co* mà thôi. Rất nhiều trường hợp như vậy. Ví dụ như từ *đo-tây*, âm tiết *đo* chỉ ghi bằng phụ âm *đo*. Đây là dấu hiệu chính tả đặc biệt quan trọng. Khi dạy chính tả tiếng Việt, giáo viên cần lưu ý để học sinh tránh

nhầm lẫn. Có thể xem đây là một dấu hiệu chuyển đi không tích cực trong khi học chính tả giữa hai ngôn ngữ Khmer và Việt. Thực ra, cách ghi của tiếng Khmer cũng có lí do thuộc về ngữ âm học, bởi trong phụ âm Khmer đã mang phẩm chất của nguyên âm, dấu nguyên âm Khmer không có vai trò như nguyên âm trong tiếng Việt như đã nói ở trên. Muốn ghi âm *ia*, *iê* trong tiếng Khmer không thể chỉ dùng dấu nguyên âm *ia* hoặc *iê* mặc dù có dấu này, mà phải luôn đi kèm và dựa vào phụ âm O. Dấu nguyên âm Khmer không có vị trí độc lập.

Trong quy tắc về chữ viết, dấu nguyên âm luôn gắn với, luôn lệ thuộc vào phụ âm để xác định nó mang giá trị nào. Về vị trí trong từ nó luôn bám vào phụ âm với các vị trí được quy định sẵn.

Trong một vài trường hợp đặc biệt, âm phát ra không có sự chi phối của phụ âm đầu thì dấu nguyên âm muốn tồn tại cũng phải bám vào phụ âm có một nửa giá trị là giá trị vô thanh (phụ âm O).

g. Sự ghi âm khác nhau giữa các từ đồng âm. Tiếng Khmer có nhiều từ đồng âm nhưng cách ghi lại các âm ấy khác nhau tùy thuộc vào nghĩa của từ. Từ đồng âm là những từ giống nhau về hình thức ngữ âm nhưng khác nhau về ý nghĩa. Không giống như từ đồng âm trong tiếng Việt như đường đi và đường ăn chỉ viết chung một chữ là *đường*. Lợi trong lợi ích và lợi là một bộ phận trong miệng chỉ viết một chữ lợi chẳng có sự phân biệt gì về con chữ. Với tiếng Khmer, nghĩa của từ được phân biệt rất rõ ràng ngay trong hình thức chính tả.

Ví dụ:

- *Chur-co* (đầu cổ- âm *co* được ghi bằng phụ âm *co*);

- *Căm-mạ-co* (công nhân- âm *co* được ghi bằng phụ âm *co* có thêm phụ âm *rô*);

- *Ca* (cái ca - ghi bằng phụ âm *co* với dấu nguyên âm *a*);

- *Ca* (đám cưới - ghi bằng phụ âm *co* với dấu nguyên âm *a* có thêm phụ âm *rô*);

- *Đom bậy* (đọc liền như một từ song tiết có nghĩa là *để, dành* thì viết dưới hình thức gửi chân);

- *Đom bậy* (đọc tách như đọc 2 từ có nghĩa là *ba cái cây* thì viết hai từ rời nhau theo tuyến tính);

- *Pi* (có nghĩa là hai, khi viết phụ âm cuối *rô*);



- Pi (có nghĩa là điểm xuất phát, không có phụ âm cuối rõ).

**3. Những việc làm cần thiết khi dạy chính tả tiếng Khmer**

a) Đọc theo quy định chữ viết, không đọc theo thói quen nói hằng ngày. Tiếng Khmer là tiếng ghi âm, việc phát âm của giáo viên ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng chính tả của học sinh. Trên thực tế, tiếng Khmer trong đời thường và tiếng Khmer trong nhà trường không hoàn toàn trùng khớp về ngữ âm. Xu hướng đơn tiết, đơn âm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đọc.

Viên phấn đọc là *đây so*, không đọc *đi so*. Nặng (trong nghĩa nặng nhẹ) không đọc *tho-ngăn* mà đọc *tho-ngun*. Đọc như vậy là đọc đúng theo giọng, không lẫn lộn giọng o với giọng ô. Kinh nghiệm cho thấy, càng đọc đúng như chữ viết bao nhiêu thì học sinh viết đúng bấy nhiêu. Có thể nói ngôn ngữ trong đời sống người Khmer hiện nay có nhiều biến đổi. Nhiều từ đọc theo chuẩn thì không giống như trong đời sống nữa. Đó là chưa tính đến vấn đề phương ngữ. Phương ngữ Phnôm Pênh khác chút ít so với phương ngữ Bất-đôm-boong (Cam-pu-chia); phương ngữ Trà Vinh cũng có nét khác so với phương ngữ Sóc Trăng. Người nói phương ngữ Sóc Trăng thường có xu hướng biến tổ hợp phụ âm thành phụ âm đơn. Người nói phương ngữ Trà Vinh thì ít thấy xu hướng này. Nhưng người Trà Vinh lại có xu hướng đọc nhẹ các vần, hơi giống cách đọc của người quen sử dụng phương ngữ Phnôm Pênh.

b) Dạy cách viết những từ học sinh mới làm quen. Thời gian đầu nên cho học sinh nhận diện và viết một vài từ khó có trong bài chính tả trước khi thực hành chính tả. Thời gian về sau nên lược dần bớt thao tác này. Học sinh cần được luyện viết từ khó vào bảng con trước khi viết bài chính tả. Từ khó ấy là từ nào? Tùy thuộc vào từng bài. Từ khó viết trong tiếng Khmer thường là:

- Các từ không hoàn toàn tuân thủ quy tắc ghi âm thông thường do hiện tượng lưu lại dấu vết chính tả nguyên gốc các từ vay mượn (đã nói ở trên);

- Các từ có hiện tượng gửi chân: *po-ro chia-chun, mô-đai...*

- Các từ có hiện tượng chổng âm tiết (gắn từ song tiết thành một khối không tách rời nhau): *coong-kép, tôn-sai...*

- Từ có sự sử dụng phối hợp các nguyên âm độc lập với các phụ âm và dấu nguyên âm Khmer: *âu-púc, âu-lắc;*

- Từ có sử dụng dấu ngăn âm: *so-đáp, kho-púa...*

- Từ có sử dụng dấu đổi giọng từ giọng này sang giọng khác (dấu răng chuột và dấu vảy cá): *dang, chơng-ma...*

c) Thực hiện quá trình tổng phân hợp trong dạy chính tả. Để học sinh có thể viết đúng chính tả nghe viết với tiếng Khmer cần lần lượt:

- Đọc trọn vẹn bài 1-2 lần nhằm lĩnh hội nội dung toàn bài;

- Đọc trọn vẹn câu cần viết nhằm giúp học sinh hiểu nội dung câu, hiểu nghĩa từ trong câu;

- Đọc từng từ/ cụm từ để học sinh viết, (cố gắng phân biệt từ đa tiết với từ đơn tiết trong giọng đọc);

- Đọc hết câu một lần nữa để học sinh có thêm cơ hội soát lại.

e) Không xem nhẹ việc rèn chính tả cho học sinh. Hiện nay, trên thế giới, ở một số ngôn ngữ việc rèn luyện viết chính tả bị xem nhẹ. Bởi vì, trình độ tin học và kĩ thuật chế bản đang phát triển với tốc độ cao. Bảng kí tự cổ Sangscrit trong tiếng Khmer, người sử dụng hoàn toàn có thể viết sách, viết truyện và trao đổi, tiếp nhận mọi thông tin cần thiết, kể cả việc tra từ điển Chuôn Nát- một cuốn từ điển giải thích rất đồ sộ- qua máy vi tính. Viết chính tả bị xem như thuần túy về kĩ thuật, không có sáng tạo. Người ta coi trọng và khuyến khích người học động não và viết ra những điều mình nghĩ được. Và viết như vậy mới được xem là viết. Theo chúng tôi, xem nhẹ hay quá coi trọng việc rèn luyện chính tả đều là thái độ cực đoan. Viết chính tả là giai đoạn đầu của viết sáng tạo. Hình ảnh về con chữ và từ ngữ do chính tay mình viết ra đã tạo nên nếp hằn trong vỏ não, rất hữu ích cho việc ghi nhớ mặt chữ, nhớ nghĩa từ, nhớ nội dung bài chính tả. Vùng đồng bào Khmer cư trú hiện nay, do đời sống còn khó khăn, máy vi tính chưa có điều kiện phổ cập đến từng chòm xóm, chữ chưa nói đến từng gia đình. Phương tiện giao tiếp chủ yếu vẫn là bằng lời nói miệng. Nơi nào có học chữ mới có thêm phương tiện chữ viết tay. Chữ viết trong đời sống của con người còn là vấn đề tâm linh và tình cảm. Chẳng thế, người đọc các thư tịch cổ viết tay trên lá

(Xem tiếp trang 61)